

Ninh Bình, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY TRÌNH KIỂM TRA NỘI DUNG VỀ
ĐĂNG KÝ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
Điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: c) Ban hành quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, bao gồm các nội dung chủ yếu: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra; các nội dung khác (nếu có). Quy trình kiểm tra phải phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh;	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy trình này quy định về hoạt động kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Cụ thể hoá điểm c Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan quản lý nhà nước; Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền trong thực hiện kiểm tra về lĩnh vực đăng ký kinh doanh; a) Cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. b) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền; 2. Đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. 3. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh;	Trên cơ sở xác định cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành về đăng ký kinh doanh; tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra chuyên ngành về đăng ký kinh doanh; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
	4. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); 5. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh; 6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.	
Điều 3 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 3. Mục đích hoạt động kiểm tra chuyên ngành 1. Kiểm tra chuyên ngành là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật chuyên ngành của cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. 2. Hoạt động kiểm tra chuyên ngành nhằm chấn chỉnh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật chuyên ngành; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Qua kiểm tra chuyên ngành, yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra khi cần thiết; nếu có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.	Điều 3. Mục đích hoạt động kiểm tra 1. Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh là việc kiểm tra quy trình đăng ký kinh doanh doanh nghiệp, hộ kinh doanh. 2. Hoạt động kiểm tra nhằm chấn chỉnh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.	Cụ thể hóa Điều 3 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và phù hợp với quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP
Điều 4 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 4. Nguyên tắc hoạt động kiểm tra chuyên ngành 1. Tuân theo pháp luật, khách quan, kịp thời, chính xác. 2. Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác. 3. Bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan liên quan; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra chuyên ngành. 4. Thẩm quyền kiểm tra được xác định trên cơ sở nguyên tắc của hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo	Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra 1. Tuân thủ quy định pháp luật trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh và các quy định pháp luật có liên quan. 2. Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác. 3. Bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. 4. Ưu tiên tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. 5. Không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá	Cụ thể hóa Điều 4 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và phù hợp với quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
địa bàn, lãnh thổ. 5. Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. 6. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.	nhân được kiểm tra. 6. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật (nếu có). 7. Đối với doanh nghiệp trong Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình: việc kiểm tra phải có sự phối hợp, thống nhất với Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình để đảm bảo đúng thẩm quyền quản lý nhà nước chuyên ngành. Trong quá trình kiểm tra, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình là cơ quan phối hợp và đầu mối cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp trong Ban Quản lý để tránh chồng chéo giữa các cơ quan.	
Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 6. Thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước.	Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra 1. Giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm tra đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. 3. Cơ quan thanh tra, kiểm tra có liên quan theo phân cấp. 4. Cơ quan kiểm tra chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và tổng hợp kết quả kiểm tra.	Cụ thể hóa khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP trên cơ sở xác định thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh theo quy định Điều 20 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 11. Quyết định kiểm tra chuyên ngành 2. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành: a) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật chuyên ngành; b) Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền; c) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).	Điều 6. Hình thức kiểm tra 1. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất. 2. Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31/12 hằng năm và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì kiểm tra. 3. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, phòng, chống tham nhũng hoặc theo yêu cầu cấp thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước. 4. Kiểm tra trực tiếp tại địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp,	Cụ thể hoá quy định tại Điều 11 Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025, Nghị quyết và phù hợp với Nghị định 168/2025/NĐ-CP và thực tế tại địa phương

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 13. Địa điểm, thời hạn kiểm tra chuyên ngành 2. Thời hạn kiểm tra chuyên ngành a) Cuộc kiểm tra chuyên ngành của đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 07 ngày; b) Cuộc kiểm tra chuyên ngành của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày; c) Cuộc kiểm tra chuyên ngành của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày; d) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Khoản 2.1 Điều 2 Mục III Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: 2.2. ... Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm.	hộ kinh doanh. Điều 7. Thời hạn và tần suất kiểm tra 1. Thời hạn kiểm tra: Không quá 02 ngày làm việc đối với kiểm tra tại chỗ. 2. Tần suất kiểm tra: Không quá 01 lần/năm/doanh nghiệp, hộ kinh doanh, trừ trường hợp đột xuất có dấu hiệu vi phạm.	Cụ thể hoá quy định Điều 13 Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025, Khoản 2.1 Điều 2 Mục III Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và phù hợp với Nghị định 168/2025/NĐ-CP
Điều 12 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành Điều 12. Đoàn kiểm tra chuyên ngành 1. Đoàn kiểm tra chuyên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra chuyên ngành gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên. 2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra chuyên ngành phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp	Điều 8. Thành phần đoàn kiểm tra 1. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, các thành viên và thư ký. 2. Trưởng đoàn có trách nhiệm điều hành, phân công và ký kết luận kiểm tra. 3. Thành viên có quyền yêu cầu cung cấp tài liệu, có nghĩa vụ bảo mật và tuân thủ quy trình. 4. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm vượt thẩm quyền xử lý, đoàn kiểm tra phải báo cáo cơ quan chủ trì để chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của	Cụ thể hoá Điều 12 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
với nội dung kiểm tra chuyên ngành; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định. Trường đoàn kiểm tra chuyên ngành được bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm tra chuyên ngành.	pháp luật.	
Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành; người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra chuyên ngành Trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý nhà nước thì xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi cho Thanh tra tỉnh, thành phố và cơ quan thanh tra có liên quan để xử lý chồng chéo, trùng lặp;	Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và công khai kế hoạch kiểm tra 1. Lập kế hoạch: Cơ quan chủ trì kiểm tra xây dựng kế hoạch chi tiết vào quý IV hằng năm. 2. Phê duyệt kế hoạch: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước 31/12 hằng năm. 3. Công khai kế hoạch: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì. 4. Điều chỉnh kế hoạch: Khi có thay đổi đột xuất, phải có quyết định điều chỉnh và công khai rõ ràng.	Cụ thể hóa khoản 2 Điều 7, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP, phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo công khai, minh bạch
Khoản 1, 2, 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 quy định nghĩa vụ doanh nghiệp: Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp 1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. 2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này. 3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó. Điều 11, 14, 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày	Điều 10. Nội dung và trình tự kiểm tra 1. Nội dung kiểm tra a) Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp - Quyền thành lập doanh nghiệp, nghĩa vụ đăng ký doanh nghiệp. - Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp. - Kê khai trụ sở của doanh nghiệp; - Góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên, cổ đông theo cam kết; - Quản lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty; - Thực hiện việc thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Các nội dung quản lý nhà nước khác có liên quan về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. b) Kiểm tra về đăng ký hộ kinh doanh - Quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. - Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh.	Cụ thể hoá khoản 1, 2, 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 11, 14, 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 11. Quyết định kiểm tra chuyên ngành 1. Người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Nghị định này ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành. 2. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành: a) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật chuyên ngành; b) Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền; c) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có). 3. Nội dung quyết định kiểm tra chuyên ngành a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành; b) Phạm vi, nội dung kiểm tra chuyên ngành; c) Đối tượng kiểm tra chuyên ngành; d) Thời hạn kiểm tra chuyên ngành; đ) Thành phần Đoàn kiểm tra chuyên ngành. 4. Quyết định kiểm tra chuyên ngành được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định này. Điều 14. Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành 1. Người được giao làm Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt. 2. Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành có các nội dung gồm: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Điều 15. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm 1. Công bố quyết định kiểm tra chuyên ngành Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra chuyên ngành với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang thì tiến hành	- Góp vốn đầu tư của hộ kinh doanh. - Kê khai và nộp thuế của hộ kinh doanh; - Tuân thủ các quy định về an ninh trật tự trong quá trình kinh doanh. - Đảm bảo hộ kinh doanh tuân thủ các quy định khác liên quan đến hoạt động kinh doanh như quy định về môi trường, an toàn thực phẩm, v.v. - Các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký hộ kinh doanh. 2. Trình tự kiểm tra a) Công bố quyết định kiểm tra về lĩnh vực đăng ký kinh doanh. b) Thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra. c) Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra. d) Xử lý sai phạm được phát hiện khi tiến hành kiểm tra. đ) Gia hạn thời gian kiểm tra e) Báo cáo tiến độ thực hiện kiểm tra.	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có liên quan. 3. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra chuyên ngành a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản; b) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; c) Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành để yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra; d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành để kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật; đ) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành, Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra chuyên ngành, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành trình người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành.		
Điều 16 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 16. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra	Điều 11. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra 1. Kết luận kiểm tra phải được tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.	Cụ thể hóa Điều 16 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
chuyên ngành 1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành. 2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.	2. Các kiến nghị, yêu cầu trong Kết luận kiểm tra phải được xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật. 3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch. 4. Cơ quan chủ trì kiểm tra kết thúc theo dõi, đôn đốc và lưu hồ sơ kiểm tra khi việc thực hiện Kết luận kiểm tra đã hoàn thành.	
Điều 61, Điều 69, Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: Điều 61. Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan nhà	Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra doanh nghiệp 1. Nội dung phối hợp a) Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. b) Phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp a) Các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản cho Phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định. b) Trường hợp cần thiết phải xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi	.Cụ thể hoá Điều 61, Điều 69 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Điều 69. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp 1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định này b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kê trước hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai là giả mạo.	phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể: - Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời do cơ quan đó cấp bị giả mạo; - Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo; - Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó. - Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm xác minh tình hình hoạt động, việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài a) Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh. b) Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã trong các trường hợp sau: - Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho các đơn vị kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. - Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới. c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, nghị quyết hoặc quyết định giải thể về việc giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. d) Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đang đặt trụ sở chính xử lý theo thẩm quyền nội dung thay đổi đã chấp thuận trên cơ sở nội dung kê khai giả mạo, đồng thời, thông báo kết quả xử lý đến Cơ quan thuế liên quan để cập nhật, theo dõi quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp chuyển đến chuyển thông tin doanh nghiệp, kết quả xử lý kèm tài liệu có liên quan đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp chuyển đi để tiếp tục xử lý theo quy định. 2. Trường hợp doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ	do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh. - Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại khoản 2 Điều này, Phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi. c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động trong Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Doanh nghiệp thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
sở chính ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thay đổi thành viên hoặc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Đối với cổ đông không phải là nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc thay đổi cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc không báo cáo về việc thay đổi cổ đông thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 3. Trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp. Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này. 4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp. 5. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định. 6. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế không thực hiện thủ tục giải thể, thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 7. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 66 Nghị định này. 8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp. 9. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư.		
Khoản 4 Điều 103 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: Điều 103. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh 4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.	Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong kiểm tra đối với hộ kinh doanh 1. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh a) Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định. b) Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định. c) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật chuyên ngành. d) Các Sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong các trường hợp sau: + Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; + Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh. đ) Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh	Cụ thể hoá Điều 103 Nghị định 168/2025/NĐ-CP và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP, tình hình thực tế tại địa phương và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
	doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định 168/2025/NĐ-CP trong thời hạn 30 ngày. 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã a) Cập nhật hàng ngày vào Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh các thông tin cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động của hộ kinh doanh (nếu có phát sinh, thay đổi). Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý chuyên ngành và thông báo cho Thuế tỉnh Ninh Bình và Thuế cơ sở về tình hình đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn. b) Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động của hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của hộ kinh doanh. c) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh. d) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh kết quả xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn xã, phường, đặc khu.	
Điều 80 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp Điều 80. Phạm vi và các loại thông tin được cung cấp, chia sẻ 1. Cơ quan chủ quản dữ liệu của Nhà nước có trách nhiệm tổ chức, triển khai kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về doanh nghiệp....	Điều 14. Phối hợp, chia sẻ thông tin 1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ dữ liệu đăng ký kinh doanh và kết quả kiểm tra để tránh trùng lặp. 2. Các cơ quan quản lý nhà nước triển khai ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh và các hệ thống liên thông để phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.	Cụ thể hóa Điều 80 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
	Điều 15. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra 1. Cơ quan chủ trì kiểm tra phải lập sổ theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp và Bộ Tài chính. 2. Kết quả kiểm tra được thực hiện công khai theo quy định của pháp luật và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra.	Để nâng cao trách nhiệm của cơ quan kiểm tra trong thực thi công vụ, đảm bảo công khai, minh bạch kết quả kiểm tra
Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành: Điều 15. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm 4. Việc tiến hành kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. Người có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.	Điều 16. Ứng dụng công nghệ thông tin 1. Các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường sử dụng hệ thống đăng ký kinh doanh trực tuyến, phần mềm kiểm tra điện tử, số hóa hồ sơ. 2. Cơ quan kiểm tra sử dụng chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản điện tử trong suốt quá trình kiểm tra.	Cụ thể hóa Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025
	Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra 1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. 2. Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: a) Tổ chức, theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra. b) Trong quá trình tiến hành hoạt động kiểm tra, trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, thời gian, nội dung với các hoạt động thanh tra, kiểm tra khác đã được Chủ tịch	Cụ thể hoá trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Quy trình, phù hợp với quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	Thuyết minh
	Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cơ quan thực hiện kiểm tra chủ động báo cáo về Sở tài chính để tổng hợp, phối hợp xử lý theo nguyên tắc tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước. 3. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối, đơn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy trình này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy trình để đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế./.	